TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **159**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 12 - 2024
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Thanh Phong
2. Bà Đào Thị Tuyết Mai

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Huỳnh Mỹ T**, sinh ngày: 21/01/1997 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

- *Bị đơn*: **Nguyễn Đăng KT**, sinh ngày: 17/8/1995 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/6/2024, bản tự khai ngày 23/8/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh Mỹ Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đăng K kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau liên quan đến tiền bạc và anh K không có quan tâm đến vợ và vợ chồng sống ly thân, không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Quá trình chung sống, chị và anh K có 01 con chung Nguyễn Huỳnh Trà M, sinh ngày: 24/11/2019, chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Đăng K.
- Về con chung: Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Nguyễn Đăng K cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000 đồng.
- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/10/2024.

* Bị đơn anh Nguyễn Đăng K các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn các lần hòa giải đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T. Về con chung: Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Khoa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/10/2024 (Bút lục số 31). Bị đơn anh Nguyễn Đăng K đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh K đều vắng mặt (Anh K vẫn còn sinh sống tại địa phương, bút lục số 03). Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh K là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T và anh Nguyễn Đăng K kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau liên quan đến tiền bạc và anh K không có quan tâm đến vợ và vợ chồng sống ly thân, không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh K. Anh K không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nuôi dưỡng con chung:

Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T khai, quá trình chung sống, chị T và anh K có 01 con chung Nguyễn Huỳnh Trà M, sinh ngày: 24/11/2019, hiện chị T đang nuôi dưỡng. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc chung sống và ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Trà M. Anh K đều vắng mặt không có ý kiến phản hồi đối với việc nuôi con chung của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huỳnh Trà M có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng chị T yêu cầu anh K cấp dưỡng nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập của anh K để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật theo Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết là phù hợp. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con".* Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của huyện Bình Đại là vùng III, mức lương tối thiểu tháng là **3.860.000 đồng.** Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định nêu trên, buộc anh Khoa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T hằng tháng số tiền là 1.930.000 đồng **(3.860.000 đồng/2).** Thời gian anh K thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/12/2024 đến khi con chung Nguyễn Huỳnh Trà M đã thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án hôn nhân, con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Đăng K phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 233, 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T.

2. Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Đăng K.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huỳnh Trà M, sinh ngày: 24/11/2019.

Anh Nguyễn Đăng K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T hằng tháng số tiền là 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/12/2024 cho đến khi con chung Nguyễn Huỳnh Trà M đã thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Trong thời gian con chung của chị T và anh K chưa thành niên (*Chưa đủ 18 tuổi*), anh chị có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đơn khởi kiện chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con:

Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001939 ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Đăng K phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Huỳnh Mỹ T và anh Nguyễn Đăng K vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh T (Ngày 08/01/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương